

CHUẨN ĐẦU RA KHỎI NGÀNH
KHOA HỌC CƠ BẢN

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh

Tên tiếng Anh: English language

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 149 ĐVHT

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT quốc gia đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân Tiếng Anh có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

- Có được vốn từ vựng phong phú về các lĩnh vực của đời sống hàng ngày và một vốn từ vựng tương đối chuyên sâu về một số lĩnh vực chuyên ngành, từ đó vận dụng được những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, ngữ âm và âm vị học Tiếng Anh để tạo ra những phát ngôn và ngôn bản đúng về ngữ pháp, chuẩn về phát âm, góp phần nâng cao mức độ chuẩn xác và tự tin trong giao tiếp. Có kiến thức và kỹ năng chuyên ngành nền tảng về biên - phiên dịch, giao tiếp kinh doanh, soạn thảo văn bản để có thể ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập xã hội, phát triển các kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm và kỹ năng tranh luận.

Cử nhân cao đẳng ngành Ngôn ngữ Anh sau khi ra trường có thể làm tốt các công việc trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế khác, sinh viên ngoài những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cần phát triển hài hòa về nhân cách và khuyến khích sự sáng tạo, thúc đẩy sự hợp tác, sinh viên Ngôn ngữ Anh có thể đạt tới tiềm năng của mình một cách trọn vẹn

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu biết những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh; Có kiến thức cơ bản về tiếng Việt, về văn hóa Việt Nam ... để vận dụng vào học tập các môn chuyên môn của ngành và thực hành sau khi tốt nghiệp; Có kiến thức về giáo dục quốc phòng – an ninh và rèn luyện thể chất, sức khỏe tốt để hoàn thành tốt công việc sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Sử dụng được tiếng Anh ở bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, tương đương trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu về ngôn ngữ, ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT, ngày 24/01/2014, cụ thể là có thể hiểu được ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức

độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được những văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm và nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

- Có được các kỹ năng Biên – Phiên dịch các tài liệu từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.

- Vận dụng các kỹ năng như kỹ năng thuyết trình, đàm phán, trả lời phỏng vấn, làm việc nhóm, soạn thảo các văn bản nghiệp vụ bằng tiếng Anh.

- Có năng lực tự học tập, nghiên cứu để tiếp tục tích lũy và nâng cao kiến thức chung và kiến thức nghề nghiệp, có khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác.

- Có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành đào tạo và quá trình làm việc sau khi ra trường.

2.2 Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Bước đầu hình thành các kỹ năng trong ngành Ngôn ngữ Anh. Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn tiếng Anh, phân tích và hiểu rõ về các vấn đề liên quan đến Tiếng Anh từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được những văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong ngôn ngữ và mối quan hệ giữa các môn học với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong ngôn ngữ.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Có năng lực tự học tập, nghiên cứu để tiếp tục tích lũy và nâng cao kiến thức chung và kiến thức nghề nghiệp, có khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác.

- Có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành đào tạo và quá trình làm việc sau khi ra trường.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng và thực hiện nghiêm pháp luật Nhà nước, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, trung thực, có trách nhiệm, tư duy phê phán.

- Có tính kiên trì, say mê công việc, nhiệt tình và năng động trong công việc, biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.

- Có ý thức tự nghiên cứu độc lập và nâng cao trình độ.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Có khả năng soạn thảo văn bản theo quy định của nhà nước về các lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được ngoại ngữ 2. (Tiếng Hàn)

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò, trách nhiệm của người học. Nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội

- Biết ứng dụng khoa học kỹ thuật vào ngành nghề của mình. Biết sử dụng thành thạo 2,3 phần mềm tin học thông dụng. Có kiến thức về lịch sử, văn hoá. Ngoài ra sinh viên ngành ngôn ngữ Anh cần phải tuyệt đối chấp hành các văn bản quy định hiện hành.

- Tôn trọng quy định của các đơn vị, tổ chức: Nhận biết sự khác biệt trong quy định làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Tôn trọng các quy định trong kinh doanh của từng doanh nghiệp. Có khả năng lập và xây dựng kế hoạch của công ty, có đầu óc kinh doanh, làm việc thành công trong các tổ chức.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Thiết lập mục tiêu và yêu cầu về Ngôn ngữ.

- Mô hình hoá và đảm bảo mục tiêu có thể thực hiện được.

- Quản lý các vấn đề về ngôn ngữ Anh.

c. Thiết kế

- Nắm vững các kỹ năng trong giao tiếp.

- Thực hiện tốt các phương pháp giao tiếp trong ngôn ngữ Anh.

- Cung cấp đầy đủ thông tin bằng tiếng Anh mà công việc yêu cầu.

d. Triển khai

Triển khai và vận dụng Tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông thường; nghe hiểu các thông điệp, thông báo công cộng, thông báo về các số liệu, sự kiện; nghe và hiểu nội dung các cuộc hội thoại thông thường và hiểu được thái độ và ý định chính của người nói; có thể tự diễn đạt để thực hiện các chức năng ngôn ngữ ở các tình huống hội thoại như gọi điện thoại, thu xếp hẹn gặp, đặt hàng, đặt phòng khách sạn...; có khả năng đặt câu hỏi, hiểu và trả lời câu hỏi; có thể bày tỏ thái độ, tình cảm cá nhân.

e. Vận hành

Biết vận hành vào các chi tiết quan trọng trong giao tiếp; hiểu được các từ chuyên môn với những chủ điểm khác nhau; có kỹ năng suy luận trong giao tiếp... Có khả năng học tập liên thông nâng cao trình độ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH NGÔN NGỮ HÀN QUỐC

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Ngôn ngữ Hàn Quốc

Tên tiếng Anh: Korean Language

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

- Khối lượng kiến thức toàn khoá: 153 ĐVHT

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT quốc gia đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc với mục tiêu đào tạo ra những nhà chuyên môn có năng lực tốt, khả năng thích ứng cao, thành thạo về tiếng Hàn; có tính linh hoạt, năng lực cơ bản (như khả năng giao tiếp, nắm bắt và giải quyết vấn đề, năng lực tư duy và giải quyết vấn đề); có những đầy đủ các kỹ năng như kỹ năng giao tiếp, tìm tòi, suy xét, làm việc tập thể. Ngoài năng lực ngôn ngữ, sinh viên được trang bị những hiểu biết về văn hóa, đất nước con người Hàn Quốc một cách khái quát. Có thể sử dụng tiếng Hàn như một nghề nghiệp, hay một công cụ hỗ trợ để học tập, nghiên cứu các chuyên ngành khác. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Hàn Quốc, đáp ứng được nhu cầu của xã hội và của nền kinh tế nước nhà trong quá trình hội nhập.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các cơ quan văn hóa, giáo dục, du lịch, công ty liên doanh nước ngoài hay trong các công ty Hàn Quốc, hoặc làm công tác nghiên cứu và giảng dạy ở các trường, trung tâm khoa học.

- Sinh viên có thể học liên thông lên đại học tại các trường đại học của Hàn Quốc và đại học của Việt Nam có liên kết với Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a) Kiến thức khoa học cơ bản

- Vận dụng được những kiến thức về Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình làm việc và trong cuộc sống. Biết - hiểu và thực hiện tốt các nhiệm vụ về quốc phòng - an ninh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Biết khai thác các kiến thức tin học cơ bản, một số phần mềm và áp dụng được trong quá trình học tập, trong công việc và cuộc sống.

b) Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng kiến thức ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, ngữ nghĩa và ngữ dụng; những vấn đề liên quan đến kiến thức chuyên sâu về giao văn hóa, diễn ngôn, văn bản trong công việc phiên dịch, biên dịch và các công việc khác có yêu cầu sử dụng tiếng Hàn.

- Sinh viên tốt nghiệp sử dụng thành thạo tiếng Hàn Quốc với 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đạt trình độ bậc 3 theo chuẩn qui định. Có trình độ nghiệp vụ đủ để làm việc có hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh, đặc biệt là nắm vững kiến thức, cơ sở lý luận và khả năng thực hành biên phiên dịch trong tình huống giao tiếp.

2.2. Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Bước đầu hình thành các kỹ năng trong ngành Ngôn ngữ Hàn. Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn tiếng Hàn; Phân tích và hiểu rõ về các vấn đề liên quan đến Tiếng Hàn từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được những văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong ngôn ngữ và mối quan hệ giữa các môn học với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong ngôn ngữ.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Có năng lực tự học tập, nghiên cứu để tiếp tục tích lũy và nâng cao kiến thức chung và kiến thức nghề nghiệp, có khả năng thích nghi xã hội và môi trường công tác.
- Có khả năng sử dụng các phần mềm ứng dụng trong chuyên ngành đào tạo và quá trình làm việc sau khi ra trường.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tôn trọng và thực hiện nghiêm pháp luật Nhà nước, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, trung thực, có trách nhiệm, tư duy phê phán.
- Có tính kiên trì, say mê công việc, nhiệt tình và năng động trong công việc, biết ứng xử tốt, thân thiện với đồng nghiệp, đoàn kết, hợp tác, cộng tác với đồng nghiệp.
- Có ý thức tự nghiên cứu độc lập và nâng cao trình độ.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Có khả năng soạn thảo văn bản theo quy định theo quy định của nhà nước về các lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được ngoại ngữ 2. (Tiếng Anh)

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò, trách nhiệm của người học. Nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội

- Biết ứng dụng khoa học kỹ thuật vào ngành nghề của mình. Biết sử dụng thành thạo 2,3 phần mềm tin học thông dụng. Có kiến thức về lịch sử, văn hoá. Ngoài ra sinh viên ngành ngôn ngữ Hàn cần phải tuyệt đối chấp hành các văn bản quy định hiện hành.

- Tôn trọng quy định của các đơn vị, tổ chức: Nhận biết sự khác biệt trong quy định làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Tôn trọng các quy định trong kinh doanh của từng doanh nghiệp. Có khả năng lập và xây dựng kế hoạch của công ty, có đầu óc kinh doanh, làm việc thành công trong các tổ chức.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Thiết lập mục tiêu và yêu cầu về Ngôn ngữ.

- Mô hình hoá và đảm bảo mục tiêu có thể thực hiện được.

- Quản lý các vấn đề về ngôn ngữ Hàn.

c. Thiết kế

- Nắm vững các kỹ năng trong giao tiếp.

- Thực hiện tốt các phương pháp giao tiếp trong ngôn ngữ Hàn.

- Cung cấp đầy đủ thông tin bằng tiếng Hàn mà công việc yêu cầu.

d. Triển khai

Triển khai và vận dụng Tiếng Hàn trong các tình huống giao tiếp thông thường; nghe hiểu các thông điệp, thông báo công cộng, thông báo về các số liệu, sự kiện; nghe và hiểu nội dung các cuộc hội thoại thông thường và hiểu được thái độ và ý định chính của người nói; có thể tự diễn đạt để thực hiện các chức năng ngôn ngữ ở các tình huống hội thoại như gọi điện thoại, thu xếp hẹn gặp, đặt hàng, đặt phòng khách sạn...; có khả năng đặt câu hỏi, hiểu và trả lời câu hỏi; có thể bày tỏ thái độ, tình cảm cá nhân.

e. Vận hành

Biết vận hành vào các chi tiết quan trọng trong giao tiếp; hiểu được các từ chuyên môn với những chủ điểm khác nhau; có kỹ năng suy luận trong giao tiếp... Có khả năng học tập liên thông nâng cao trình độ trong hệ thống giáo dục quốc dân.

**CHUẨN ĐẦU RA KHỎI NGÀNH
KINH TẾ - QUẢN TRỊ KINH DOANH**

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
Tên tiếng Việt: Kế toán tổng hợp
Tên tiếng Anh: General Accounts.
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy
- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khoá 105 tín chỉ
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Kế toán tổng hợp có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng anh giao tiếp, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Kế toán tổng hợp.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân cao đẳng ngành Kế toán tổng hợp sau khi ra trường có thể làm tốt các công việc trong các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế khác, sinh viên ngoài những kiến thức, kỹ năng chuyên môn cần phát triển hài hoà về nhân cách và khuyến khích sự sáng tạo, thúc đẩy sự hợp tác, sinh viên kế toán tổng hợp có thể đạt tới tiềm năng của mình một cách trọn vẹn. Sau khi tốt nghiệp tại trường, HSSV đều có cơ hội học liên thông lên đại học.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành kế toán tổng hợp. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh..để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Vận dụng các kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội và kiến thức cơ sở ngành kế toán như: tài chính tiền tệ, thuế, thống kê,... làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành kế toán.

- Hiểu và vận dụng kiến thức về luật, chuẩn mực, chế độ kế toán của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, kế toán.

- Nắm vững nguyên lý về kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế - xã hội.

- Xây dựng và tổ chức được các hoạt động kế toán trong doanh nghiệp, tư vấn cho các nhà quản lý ra quyết định quản lý.

2.2 Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tổ chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Bước đầu hình thành các kỹ năng phát hiện các vấn đề của ngành kế toán tổng hợp. Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn kế toán tổng hợp, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác kế toán từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Có kỹ năng hình thành giả thiết và xử lý thông tin và thu thập tài liệu của ngành kế toán tổng hợp. Vận dụng được các kiến thức đã học về kế toán vào thực tiễn của đơn vị, phát triển năng lực cá nhân trong lĩnh vực kế toán tổng hợp. Biết tìm hiểu thông tin qua tài liệu in và điện tử.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động kế toán và mối quan hệ giữa kế toán với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác kế toán.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

Phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện. Biết đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong ngành nghề kế toán tổng hợp. Có tính kiên trì và linh hoạt trong hoạt động kế toán. Có khả năng tư duy sáng tạo trong lĩnh vực kế toán. Có khả năng tổng hợp, đánh giá các nghiệp vụ về kế toán. Hiểu biết về bản thân trong lĩnh vực kế toán. Ham tìm hiểu và khả năng học tập suốt đời về ngành kế toán. Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian về kế toán.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán như: Trung thực, làm việc có trách nhiệm và đáng tin cậy. Có thái độ hành xử chuyên nghiệp về chế độ kế toán. Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình. Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực kế toán.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Có khả năng soạn thảo văn bản theo quy định theo quy định của nhà nước về các lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...
- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.
- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò, trách nhiệm của người làm kế toán. Nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội
- Biết ứng dụng khoa học kỹ thuật vào ngành nghề của mình. Biết sử dụng thành thạo 2,3 phần mềm kế toán thông dụng. Có kiến thức về lịch sử, văn hoá. Ngoài ra sinh viên ngành kế toán tổng hợp cần phải tuyệt đối chấp hành các văn bản quy định về kế toán và Luật kế toán và chế độ kế toán hiện hành.
- Tôn trọng quy định của các đơn vị, tổ chức: Nhận biết sự khác biệt trong quy định làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Tôn trọng các quy định trong kinh doanh của từng doanh nghiệp. Có khả năng lập và xây dựng kế hoạch của công ty, có đầu óc kinh doanh, làm việc thành công trong các tổ chức.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Thiết lập mục tiêu và yêu cầu về kế toán.
- Mô hình hoá và đảm bảo mục tiêu có thể thực hiện được.
- Quản lý các vấn đề về kế toán.

c. Thiết kế

- Nắm vững công tác tài chính kế toán tại các đơn vị kế toán.
- Thực hiện tốt các giao dịch với ngân hàng và các tổ chức tín dụng.
- Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai tổ chức công tác kế toán ở đơn vị. Tổ chức được công tác kế toán phù hợp với từng đơn vị kế toán. Lập được báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp. Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp. Tham mưu được cho lãnh đạo đơn vị những sáng kiến về công tác kế toán và công tác quản lý tài chính của đơn vị.

e. Vận hành

Biết vận hành tuân thủ chuẩn mực đạo đức về nghề nghiệp kế toán, tính cẩn thận, chính xác trong công việc. Có phong cách làm việc chuyên nghiệp theo các chuẩn mực, nghề nghiệp kế toán. Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù, chịu khó và sáng tạo.... Có thể học liên thông lên Đại học ngành Kế toán...

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
Tên tiếng việt: Kế toán - Kiểm toán
Tên tiếng anh: Accounting&Auditing
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy
- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khoá 105 tín chỉ
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Kế toán - Kiểm toán có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng anh giao tiếp, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

- Nhân viên kế toán với các vị trí: kế toán vật tư, tài sản cố định, tiền lương, giá thành, kế toán thanh toán, kế toán thuế, kế toán tổng hợp và các nhiệm vụ kế toán khác.
- Nhân viên kiểm toán làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước với các vị trí liên quan đến lĩnh vực kiểm toán.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành kế toán kiểm toán. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Vận dụng các kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội và kiến thức cơ sở ngành kế toán như: tài chính tiền tệ, thuế, thống kê,... làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành kế toán kiểm toán.
- Hiểu và vận dụng kiến thức về luật, chuẩn mực, chế độ kế toán của Việt Nam trong lĩnh vực tài chính, kế toán kiểm toán.
- Nắm vững nguyên lý về kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế - xã hội.
- Xây dựng và tổ chức được các hoạt động kế toán kiểm toán trong doanh nghiệp, tư vấn cho các nhà quản lý ra quyết định quản lý.

2.2 Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Bước đầu hình thành các kỹ năng phát hiện các vấn đề của ngành kế toán tổng hợp. Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn về kế toán kiểm toán, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác kế toán kiểm toán từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Có kỹ năng hình thành giả thiết và xử lý thông tin và thu thập tài liệu của ngành kế toán kiểm toán. Vận dụng được các kiến thức đã học về kế toán kiểm toán vào thực tiễn của đơn vị, phát triển năng lực cá nhân trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Biết tìm hiểu thông tin qua tài liệu in và điện tử.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động kế toán kiểm toán và mối quan hệ giữa kế toán kiểm toán với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác kế toán kiểm toán.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

Phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện. Biết đề xuất sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro trong ngành nghề kế toán kiểm toán. Có tính kiên trì và linh hoạt trong hoạt động kế toán kiểm toán. Có khả năng tư duy sáng tạo trong lĩnh vực kế toán kiểm toán. Có khả năng tổng hợp, đánh giá các nghiệp vụ về kế toán kiểm toán. Hiểu biết về bản thân trong lĩnh vực kế toán. Ham tìm hiểu và khả năng học tập suốt đời về ngành kế toán kiểm toán. Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian về kế toán kiểm toán.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kế toán kiểm toán như: Trung thực, làm việc có trách nhiệm và đáng tin cậy. Có thái độ hành xử chuyên nghiệp về chế độ kế toán kiểm toán. Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình. Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực kế toán kiểm toán.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Có khả năng soạn thảo văn bản theo quy định theo quy định của nhà nước về các lĩnh vực chuyên môn và xã hội.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò, trách nhiệm của người làm công tác kế toán kiểm toán. Nhận thức được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội.

- Biết ứng dụng khoa học kỹ thuật vào ngành nghề của mình. Biết sử dụng thành thạo 2,3 phần mềm kế toán thông dụng. Có kiến thức về lịch sử, văn hoá. Ngoài ra sinh viên ngành kế toán kiểm toán cần phải tuyệt đối chấp hành các văn bản quy định về kế toán và Luật kế toán và chế độ kế toán kiểm toán hiện hành.

- Tôn trọng quy định của các đơn vị, tổ chức: Nhận biết sự khác biệt trong quy định làm việc của các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Tôn trọng các quy định trong kinh doanh của từng doanh nghiệp. Có khả năng lập và xây dựng kế hoạch của công ty, có đầu óc kinh doanh, làm việc thành công trong các tổ chức.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Thiết lập mục tiêu và yêu cầu về kế toán kiểm toán

- Mô hình hoá và đảm bảo mục tiêu có thể thực hiện được

- Quản lý các vấn đề về kế toán kiểm toán

c. Thiết kế

- Nắm vững công tác tài chính kế toán tại các đơn vị kế toán.

- Có kỹ năng kiểm tra các hoạt động về kế toán tại các tổ chức, đơn vị.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai tổ chức công tác kế toán ở đơn vị. Kiểm tra được công tác kế toán ở từng đơn vị kế toán. Đưa ra kết luận trong công tác kế toán kiểm toán một cách chính xác.

e. Vận hành

Biết vận hành tuân thủ chuẩn mực đạo đức về nghề nghiệp kế toán, tính cẩn thận, chính xác trong công việc. Có phong cách làm việc chuyên nghiệp theo các chuẩn mực, nghề nghiệp kế toán kiểm toán. Có động cơ nghề nghiệp đúng đắn, có đức tính cần cù, chịu khó và sáng tạo.... Có thể học liên thông lên Đại học ngành Kế toán kiểm toán và các ngành gần với kế toán kiểm toán...

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

1. Giới thiệu về ngành/chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
Tên tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
Tên tiếng Anh: Finance&Banking
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy.
- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khoá: 105 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của chương trình

Đào tạo cử nhân cao đẳng có chất lượng tốt trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có phẩm chất chính trị, có tư cách đạo đức và sức khoẻ tốt; có trách nhiệm với xã hội; có khả năng tác nghiệp, quản trị, phân tích, đánh giá, tư vấn về các vấn đề liên quan đến ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương, cơ quan chính phủ, các định chế tài chính trung gian và các tổ chức khác. Cử nhân cao đẳng Tài chính - ngân hàng có khả năng thực hiện nghiên cứu và trợ giảng tại các cơ sở giáo dục cao đẳng và trình độ thấp hơn; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn tích lũy kinh nghiệm để trở thành các chuyên gia trong lĩnh vực Ngân hàng.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân cao đẳng ngành Tài chính - Ngân hàng khi ra trường có thể làm tốt chuyên môn trong lĩnh vực mà bản thân phụ trách trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Ngoài ra cử nhân cao đẳng tài chính ngân hàng có thể làm cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc làm tốt chuyên môn cho các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Chuẩn đầu ra của ngành

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

- Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành tài chính ngân hàng. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh...để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Luật kinh tế, Marketing căn bản, Kinh tế lượng, Toán kinh tế, Lý thuyết tài chính, Tài chính tiền tệ để học các môn chuyên ngành tài chính ngân hàng cũng như một số chuyên ngành có liên quan.

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: Tài chính công, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Nghiệp vụ ngân hàng trung ương, Kiểm toán nội bộ ngân hàng, Thuê mua tài chính, Thị trường chứng khoán, Tín dụng và các dịch vụ ngân hàng...để phân tích tình hình tài chính trong doanh nghiệp và thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng theo đúng chính sách pháp luật và quy định của nhà nước.

- Vận dụng các kiến thức thực tập cơ sở, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng.

2.2. Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và các tố chất

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên ngành tài chính ngân hàng, biết được phạm vi công việc cần triển khai, quản lý giám sát, hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng công việc, phân tích được các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ tài chính ngân hàng từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn trong hoạt động chuyên môn ở các cấp quản lý.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động tài chính ngân hàng và mối quan hệ giữa tài chính ngân hàng với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác tài chính ngân hàng ở các cấp quản lý do bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp.

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Tài chính ngân hàng, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân quản lý.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực tài chính ngân hàng như: phân tích tài chính doanh nghiệp, lập báo cáo tài chính, thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng thương mại,

nắm được nghiệp vụ ngân hàng trung ương, thực hiện các nghiệp vụ kế toán ngân hàng, tín dụng và các dịch vụ ngân hàng...

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Tài chính ngân hàng.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành tài chính ngân hàng đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động tài chính ngân hàng ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng tài chính ngân hàng đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành tài chính ngân hàng. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành tài chính ngân hàng.

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành tài chính ngân hàng cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu của hệ thống của ngành tài chính ngân hàng và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống tài chính ngân hàng để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.

- Mô hình hoá hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hoá các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Phân tích tài chính, lập báo cáo tài chính, phân tích và quản lý dự án đầu tư, phân tích tín dụng và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống tài chính ngân hàng ở các cấp cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng cấp. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống tài chính ngân hàng ở các cấp, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế đơn vị.

e. Vận hành

Biết vận hành hệ thống tài chính ngân hàng ở các cấp thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Giới thiệu về ngành Quản trị kinh doanh

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khoá: 105 tín chỉ.

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành Quản trị kinh doanh

Đào tạo Cử nhân kinh tế có khả năng quản lý doanh nghiệp trong tương lai với những kiến thức về quản lý ở tầm vi mô tương đối bài bản và toàn diện. Trong quá trình đào tạo không chỉ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về nghề quản lý mà còn phải làm rõ trách nhiệm đối với nghề nghiệp và bồi dưỡng lòng tự tin và yêu nghề cho sinh viên. Cung cấp một đội ngũ cán bộ có khả năng thực hiện một số kỹ năng quản lý và tư vấn trong công tác quản lý các doanh nghiệp, các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân cao đẳng ngành Quản trị kinh doanh khi ra trường có thể làm tốt chuyên môn trong lĩnh vực mà bản thân phụ trách trong lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp. Ngoài ra cử nhân cao đẳng Quản trị kinh doanh có thể làm cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc làm tốt chuyên môn cho các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Chuẩn đầu ra của ngành Quản trị kinh doanh

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

- Vận dụng các kiến thức về lý luận chính trị Mác Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh để xác lập thái độ chính trị, ý thức công dân và ý thức cộng đồng trong hành vi và các ứng xử hàng ngày. Hình thành được thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận trong học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Vận dụng các kiến thức toán, khoa học tự nhiên và kiến thức cơ bản của nhóm ngành kinh tế vào giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành:

- Hiểu biết và vận dụng thành thạo các kiến thức kinh tế chung và các quy luật kinh tế thị trường làm cơ sở xác lập khoa học cho việc ra quyết định quản trị. Vận dụng được các kiến thức nền tảng về các lĩnh vực kinh tế - xã hội và kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp vào giải quyết và nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo.

- Áp dụng được các kiến thức cơ bản của ngành quản trị kinh doanh như: Quản trị chiến lược, quản trị nhân lực, quản trị tài chính... để phân tích, đánh giá tình hình thị trường, tham gia đề xuất và thực hiện các kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.

- Vận dụng kiến thức đã được đi thực tế, thực tập, sinh viên bước đầu hiểu được thực tiễn hoạt động kinh động trong doanh nghiệp và có định hướng rõ ràng hơn về nghề nghiệp khi đã tốt nghiệp.

2.2. Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và các tố chất

a. Lập luận kỹ thuật và giải quyết vấn đề

Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Có khả năng nhận định tình huống, xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch, ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh doanh..

c. Tư duy mang tính hệ thống

Có thể nhận thức được bối cảnh xã hội, ngoại cảnh và bối cảnh tổ chức để áp dụng vào các hoạt động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

Đạt được các phẩm chất đạo đức cá nhân như: tự tin, linh hoạt, dám đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê sáng tạo, tinh thần tự tôn, hiểu biết văn hoá..., có khả năng thích ứng cao với hoàn cảnh, thích đương đầu với thử thách và khát vọng trở thành doanh nhân, nhà lãnh đạo, chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

e. Các kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

Đạt được các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp như: Mạo hiểm và quyết đoán trong kinh doanh; khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động; giữ chữ tín và cam kết, tuân thủ nội quy, quy định của doanh nghiệp trong nước và quốc tế.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

Sẵn sàng tham gia tích cực làm việc theo nhóm, tổ chức, điều hành hoạt động nhằm đạt hiệu quả công việc cao.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Có khả năng giao tiếp vận dụng các kiến thức trong việc ra quyết định trong quản trị kinh doanh.

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Nhận thức được các quy định của xã hội đối với công tác quản lý. Có kiến thức về lịch sử và văn hoá, làm sáng tỏ sự tác động của toàn cầu hoá đến hoạt động quản trị. Nhận thức được những lợi ích của hoạt động quản trị đối với xã hội.

- Tôn trọng sự đa dạng văn hoá doanh nghiệp. Hoạch định được chiến lược, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, có đầu óc kinh doanh, khả năng thích ứng trong các môi trường làm việc khác nhau.

b. Hình thành ý tưởng và xây dựng hệ thống

Thiết lập những mục tiêu và yêu cầu của hoạt động quản trị, quản lý đề án.

c. Thiết kế

- Nắm vững công tác quản trị trong các doanh nghiệp.

- Có kỹ năng tổ chức hoạt động, kiểm tra các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.

d. Triển khai

- Lập kế hoạch triển khai tổ chức công tác quản trị trong doanh nghiệp.
- Đánh giá kết quả các hoạt động quản trị trong doanh nghiệp đảm bảo chính xác, khách quan.

e. Vận hành

- Biết và vận dụng một cách khoa học hệ thống các văn bản pháp lý hiện hành vào tổ chức hoạt động quản trị trong doanh nghiệp.
- Có phong cách làm việc chuyên nghiệp, có đức tính cần cù, chịu khó và sáng tạo trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.
- Có thể học liên thông lên các bậc học cao hơn.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG

1. Giới thiệu về ngành/chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
Tên tiếng Việt: Quản lý xây dựng
Tên tiếng Anh: Construction Management
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy
- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khoá: 105 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành/chương trình

- Đào tạo ra cử nhân cao đẳng ngành Quản lý xây dựng phù hợp với yêu cầu của xã hội.
- Cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản của ngành xây dựng, đáp ứng được yêu cầu của xã hội về lĩnh vực kinh tế xây dựng.
- Định hướng cho người học kiến thức, tư duy, phẩm chất của nhà kinh tế, tập trung hướng người học trở thành nhà kinh tế trong lĩnh vực xây dựng.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

- Sau khi tốt nghiệp ngành Quản lý xây dựng, người học có thể đảm nhiệm các vị trí sau:
- Chuyên viên về quản lý dự án, quản lý tài chính, quản lý chất lượng... trong lĩnh vực xây dựng tại các sở, ban, ngành, các doanh nghiệp.
 - Trợ lý về tài chính, tư vấn đầu tư về xây dựng trong các công ty tư vấn thiết kế, Doanh nghiệp xây dựng, cơ quan kiểm toán.
 - Giám đốc các doanh nghiệp nhỏ và vừa về lĩnh vực xây dựng.
 - Giảng dạy tại các đơn vị đào tạo ở bậc trung học và trình độ thấp hơn.
 - Sinh viên có thể học tập liên thông lên đại học và các bậc học cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra của ngành/chương trình

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

- Hiểu về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin; đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Biết sử dụng tiếng Anh và tin học tương đương trình độ B để tiếp thu và học tập kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.
- Nắm vững và vận dụng những kiến thức cơ bản của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học kinh tế để tiếp thu được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Nắm vững kiến thức cơ bản của ngành Kinh tế xây dựng trong việc lập, phân tích, đánh giá dự án đầu tư; Lập dự toán công trình, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu, dự án thi công công trình, hồ sơ quyết toán công trình trong lĩnh vực xây dựng.
- Vận dụng kiến thức chuyên môn về quản lý điều hành dự án xây dựng, phân tích và xây dựng các mô hình, tổ chức thi công các công trình xây dựng.
- Biết sử dụng các phần mềm cơ bản trong ngành kinh tế và xây dựng.

2.2. Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và các tố chất

- Thực hiện được các công việc chuyên môn về Quản lý xây dựng như: lập dự toán công trình, hồ sơ mời thầu, đấu thầu, dự án thi công công trình, hồ sơ quyết toán công trình trong lĩnh vực xây dựng cơ bản.

- Phân tích và đánh giá được các dự án và công trình xây dựng, tham mưu được cho lãnh đạo đơn vị về công tác xây dựng.

- Có ý thức trách nhiệm công dân và đạo đức nghề nghiệp.

- Có ý thức tự học, sẵn sàng tham gia nghiên cứu và tiếp cận công nghệ mới.

- Có ý thức phấn đấu vươn lên để thành đạt trong sự nghiệp.

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành Quản lý xây dựng để từ đó thực hiện được các công việc trong xây dựng, nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án. Phân tích được các vấn đề trong kinh tế xây dựng để từ đó đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả công việc và xử lý các khó khăn trong công tác.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Hiểu được các vấn đề thường gặp trong công tác, biết cách thu thập thông tin, tài liệu liên quan để xử lý hoặc đề xuất phương pháp giải quyết các khó khăn phát sinh trong công việc.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế với hoạt động xây dựng và các tác động khác tới công việc chuyên môn. Vận dụng các kiến thức chuyên môn để xác định và sắp xếp được các nhân tố tác động đến công tác kinh tế xây dựng, từ đó đưa ra các giải pháp thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của các dự án xây dựng.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Hiểu được các khó khăn và biết chấp nhận khó khăn trong công tác kinh tế xây dựng, từ đó từng bước giải quyết các khó khăn một cách có hệ thống.

- Có khả năng chịu áp lực cao trong công việc. Biết cách nhanh chóng thích nghi với các môi trường làm việc. Có tinh thần làm việc nhóm cũng như làm việc độc lập.

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu để không ngừng nâng cao kiến thức và khả năng làm việc của bản thân.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Chủ động trong việc lập kế hoạch triển khai công việc, có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

- Thường xuyên cập nhật các thông tin, kiến thức, biết cách tiếp cận khoa học kỹ thuật mới để phục vụ cho công tác của mình.

- Có khả năng tạo lập các mối quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức để thực hiện công việc một cách có hiệu quả.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

- Kết luận được về kết quả công việc của nhóm.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Nhận biết được vai trò của ngành kinh tế xây dựng, những cơ hội, thách thức của ngành kinh tế xây dựng trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước hiện nay.

- Hiểu được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng kinh tế xây dựng đối với xã hội để thực hiện có hiệu quả công việc chuyên môn của mình.

- Phân tích được các tác động của kinh tế xã hội đến lĩnh vực xây dựng, từ đó vận dụng các kiến thức, kỹ năng phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả cho dự án xây dựng.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nhận biết được xu hướng của xã hội và nhu cầu của thị trường đối với xây dựng, từ đó nắm bắt được những cơ hội trong lĩnh vực hoạt động của mình.

- Xác định được khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của bản thân và đơn vị công tác, từ đó đưa ra các chiến lược phù hợp với các dự án đảm nhiệm cũng như đối tác của mình.

- Xây dựng được mô hình phù hợp cho từng dự án, vận dụng các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để lập kế hoạch chi tiết thực hiện các công đoạn của dự án kinh tế xây dựng.

c. Thiết kế

Vận dụng các kiến thức chuyên môn để lập phương án và lựa chọn phương án tối ưu thực hiện dự án.

d. Triển khai

Căn cứ vào các thiết kế, các yêu cầu của dự án, vận dụng các kỹ năng chuyên ngành kinh tế xây dựng để triển khai dự án một cách có hiệu quả và đúng tiến độ. Kiểm tra được mức độ hoàn thành của công việc và đề xuất được những phương pháp phù hợp với yêu cầu thực tế.

e. Vận hành

Biết vận hành được hệ thống quản lý dự án kinh tế trong lĩnh vực xây dựng, từ đó đề xuất được những giải pháp đảm bảo được sự hoạt động đồng bộ của các bộ phận cấu thành dự án.

**CHUẨN ĐẦU RA KHỎI NGÀNH
KỸ THUẬT NÔNG - LÂM**

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
 - Tên tiếng Việt: Trồng trọt
 - Tên tiếng Anh: Crop Science
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy
- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 105 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Khoa học cây trồng có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng anh giao tiếp, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành trồng trọt.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng ngành Khoa học cây trồng có thể làm tốt công tác chuyên môn trong lĩnh vực trồng trọt ở cấp xã, huyện, tỉnh; Là cán bộ kỹ thuật tại các đơn vị sản xuất kinh doanh; Tham gia nghiên cứu tại các trung tâm, các viện nghiên cứu, các dự án về nông - lâm nghiệp trong và ngoài nước; Làm tư vấn và dịch vụ trong lĩnh vực trồng trọt, cho các tổ chức, cá nhân cho các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành trồng trọt. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh..để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: hóa sinh thực vật, sinh lý thực vật, phân loại thực vật, di truyền, giống cây trồng, sinh thái môi trường, khí tượng nông nghiệp, đất và dinh dưỡng cây trồng, vi sinh vật đại cương, thực hành hóa sinh, sinh lý thực vật, thực hành đất và dinh dưỡng cây trồng để học các môn chuyên ngành trồng trọt và một số ngành khác có liên quan.

- Vận dụng các kiến thức chuyên ngành như: phương pháp thí nghiệm đồng ruộng, hệ thống nông nghiệp, bảo vệ thực vật và thực hành bảo vệ thực vật, khuyến nông, công nghệ sau thu hoạch, cây lúa, cây ngô, khoai, sắn, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây rau, hoa cây cảnh, cây dược liệu, canh tác học để xây dựng, thực hiện quy trình sản xuất cho một cây trồng nông nghiệp.

- Vận dụng các kiến thức lĩnh hội được trong quá trình thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp bước đầu làm quen với các công việc trong tương lai.

2.2. Kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề: Nhận biết và giải quyết vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực trồng trọt, xác định các vấn đề về khí hậu, đất đai, phân bón, sâu bệnh hại, cây trồng, bảo quản chế biến nông sản. Trên cơ sở đó giải thích được các biểu hiện, khuynh hướng, các mức độ ưu tiên trong từng hoàn cảnh thực tế để xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức: Biết cách điều tra thực nghiệm bằng việc thu thập thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp kết hợp với việc khảo sát qua tài liệu in, tài liệu điện tử. Sắp xếp, phân loại, xác định chất lượng và phân tích thông tin trên cơ sở đó giải thích được vấn đề trong lĩnh vực nghiên cứu và đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử, đánh giá và rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống: Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong lĩnh vực trồng trọt, mối quan hệ giữa trồng trọt với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong lĩnh vực trồng trọt ở các cấp quản lý do bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp.

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực trồng trọt, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân quản lý.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực trồng trọt như: Đất trồng, phân bón, chế độ tưới, tình hình sâu bệnh hại và các biện pháp chăm sóc khác cho cây trồng.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Có khả năng thành lập nhóm, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của các thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.
- Có kỹ năng lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm và chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm.
- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.
- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả, đúng ngữ pháp, theo quy định của từng loại văn bản.
- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.
- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...
- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.
- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành trồng trọt đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động trồng trọt ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.
- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng trồng trọt đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.
- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trồng trọt đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.
- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành trồng trọt. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.
- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành trồng trọt.
- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu, tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành trồng trọt từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu của hệ thống trồng trọt và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.
- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống trồng trọt để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.
- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành trồng trọt để chi tiết hóa các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống trồng trọt và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống trồng trọt ở các cấp cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng cấp. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống trồng trọt ở các cấp, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế địa phương.

e. Vận hành

Biết vận hành hệ thống trồng trọt ở các cấp thông qua cách tập huấn cho người sản xuất, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU NGÀNH THÚ Y

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
Tên tiếng Việt: Thú y
Tên tiếng Anh: Veterinary Medicine
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy
- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 105 tín chỉ
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Thú y có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng anh giao tiếp, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Thú y.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân cao đẳng ngành Thú y khi ra trường có thể làm tốt chuyên môn mà bản thân phụ trách trong lĩnh vực Thú y và Chăn nuôi thú y ở cấp xã, huyện, tỉnh. Ngoài ra cử nhân cao đẳng Thú y có thể làm cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, các trường dạy nghề hoặc làm tốt chuyên môn cho các tổ chức kinh tế xã hội khác. Có khả năng tiếp tục học tập ở các bậc học cao hơn.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành Thú y. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Động vật học, Giải phẫu động vật, Dinh dưỡng và thức ăn động vật, Tổ chức học, Sinh lý động vật, Hóa sinh động vật, Di truyền để học các môn chuyên ngành Thú y cũng như một số chuyên ngành có liên quan (Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y).

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: Chẩn đoán bệnh, Dược lý thú y, Dược liệu thú y, Vệ sinh thú y, Kiểm tra vệ sinh thú y và Luật thú y, Bệnh truyền nhiễm, Bệnh ký sinh trùng thú y, Bệnh ngoại khoa thú y, Bệnh sản khoa thú y, Dịch tễ học thú y ... để thực hiện công tác thú y theo đúng luật thú y, đúng chính sách pháp luật và quy định của nhà nước.

- Vận dụng các kiến thức thực hành, thực tập giáo trình, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Thú y.

2.2 Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tổ chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn Thú y, biết được phạm vi công việc cần triển khai, quản lý giám sát, hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng công việc, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác Thú y, từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn trong hoạt động chuyên môn ở các cấp quản lý.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động Thú y và mối quan hệ giữa Thú y với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác Thú y ở các cấp quản lý do bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp.

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Thú y, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân quản lý.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực Thú y như: Chẩn đoán bệnh cho vật nuôi, phát hiện và công bố dịch bệnh, không chế dịch, điều trị bệnh....

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Thú y như: Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dinh dưỡng và thức ăn cho vật nuôi; Công tác quản lý trang trại....

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành Thú y đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động Thú y ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng Thú y đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật Thú y đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành Thú y. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành Thú y.

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành Thú y cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu của hệ thống của ngành Thú y và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống Thú y để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.
- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.
- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống Thú y ở các cấp cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng cấp. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống Thú y ở các cấp, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế địa phương.

e. Vận hành

Biết vận hành hệ thống Thú y ở các cấp thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản lý đất đai

Tên tiếng Anh: Land Management

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 105 tín chỉ

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Quản lý đất đai có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng anh giao tiếp, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Quản lý đất đai.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân cao đẳng ngành Quản lý đất đai khi ra trường có thể làm tốt chuyên môn trong lĩnh vực mà bản thân phụ trách trong lĩnh vực quản lý đất đai nói riêng, quản lý tài nguyên và môi trường nói chung ở cấp xã, huyện, tỉnh. Ngoài ra cử nhân cao đẳng quản lý đất đai có thể làm cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc làm tốt chuyên môn cho các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành quản lý đất đai. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Trắc địa, thổ nhưỡng, sinh thái môi trường, hệ thống nông nghiệp, bản đồ học, đánh giá tác động môi trường để học các môn chuyên ngành quản lý đất đai cũng như một số chuyên ngành có liên quan.

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: Pháp luật đất đai, Quản lý hành chính Nhà nước về đất đai, định giá đất và bất động sản, viễn thám và GIS, tin học chuyên ngành, quy hoạch sử dụng đất, kinh tế đất và môi trường, đăng ký thống kê đất đai, thanh tra kiểm tra đất đai, quy hoạch phát triển nông thôn... để quản lý đất đai theo đúng chính sách pháp luật và quy định của nhà nước.

- Vận dụng các kiến thức thực tập cơ sở, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Quản lý đất đai.

2.2. Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn quản lý đất đai, biết được phạm vi công việc cần triển khai, quản lý giám sát, hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng công việc, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đất đai từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn trong hoạt động chuyên môn ở các cấp quản lý.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động quản lý đất đai và mối quan hệ giữa quản lý đất đai với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác quản lý đất đai ở các cấp quản lý do bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Quản lý đất đai, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân quản lý.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực quản lý đất đai như: Đánh giá đất, định giá đất, xây dựng quy hoạch sử dụng đất, xây dựng bản đồ.

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Quản lý đất đai như: Giải quyết tranh chấp đất đai, xử lý các vi phạm về đất, cấp GCNQSD đất, đánh giá tình hình sử dụng đất...

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành quản lý đất đai đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động quản lý đất đai ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng quản lý đất đai đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật quản lý đất đai đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành quản lý đất đai. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành quản lý đất đai

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành quản lý đất đai cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu của hệ thống của ngành quản lý đất đai và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống quản lý đất đai để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.

- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống quản lý đất đai ở các cấp cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng cấp. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống quản lý đất đai ở các cấp, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế địa phương.

e. Vận hành

Biết vận hành hệ thống quản lý đất đai ở các cấp thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU NGÀNH QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Quản soát và Bảo vệ môi trường

Tên tiếng Anh: Environmental Management

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 105 tín chỉ.

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Quản lý môi trường có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng Anh giao tiếp; Có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Kiểm soát và Bảo vệ môi trường.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân cao đẳng ngành Quản lý môi trường khi ra trường có thể làm tốt chuyên môn trong lĩnh vực mà bản thân phụ trách trong lĩnh vực quản lý môi trường nói riêng, quản lý tài nguyên và môi trường nói chung ở huyện, tỉnh. Ngoài ra cử nhân cao đẳng Kiểm soát và Bảo vệ môi trường có thể làm cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc làm tốt chuyên môn cho các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành quản lý môi trường. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, tin học đại cương, tiếng Anh, hóa học... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Thổ nhưỡng, Sinh thái môi trường, Sinh học đại cương, Công nghệ sinh học, Tài nguyên khí hậu, Khoa học trái đất, Vi sinh vật, Cơ sở khoa học môi trường, Hóa học môi trường, Đa dạng sinh học để học các môn chuyên ngành quản lý môi trường cũng như một số chuyên ngành có liên quan.

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: Mô hình hóa môi trường, Công nghệ môi trường, Quản lý Nhà nước về môi trường, Luật & chính sách môi trường, Thanh tra và kiểm toán môi trường, Quy hoạch môi trường, Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản, Kỹ thuật xử lý nước thải và chất thải rắn, Kinh tế đất và môi trường, Độc học và môi trường, Đánh giá tác động môi trường, Viễn thám và GIS, Ô nhiễm môi trường... để quản lý môi trường theo đúng chính sách pháp luật và quy định của Nhà nước.

- Vận dụng các kiến thức thực tập cơ sở, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Kiểm soát và Bảo vệ môi trường.

2.2. Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn quản lý môi trường, biết được phạm vi công việc cần triển khai, quản lý giám sát, hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng công việc, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác Kiểm soát và bảo vệ môi trường từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn trong hoạt động chuyên môn ở các cấp quản lý.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động quản lý môi trường và mối quan hệ giữa quản lý môi trường với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác quản lý môi trường ở các cấp quản lý do bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp.

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Quản lý môi trường, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân quản lý.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực quản lý môi trường như: ô nhiễm môi trường, chính sách môi trường, Công nghệ môi trường, xử lý nước thải và chất thải rắn, Đánh giá tác động môi trường.

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Quản lý môi trường như: Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường, xử lý các vi phạm về môi trường, lập báo cáo môi trường, đánh giá tình hình áp dụng công nghệ vào sử lý môi trường...

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành quản lý môi trường đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động quản lý môi trường ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng quản lý môi trường đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật quản lý môi trường đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành quản lý môi trường. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành quản lý môi trường

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành quản lý môi trường cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu của hệ thống của ngành quản lý môi trường và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống quản lý môi trường để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.

- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống quản lý môi trường ở các cấp cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng cấp. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống quản lý môi trường ở các cấp, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế địa phương.

e. Vận hành

Biết vận hành hệ thống quản lý môi trường ở các cấp thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU NGÀNH ĐỊA CHÍNH - MÔI TRƯỜNG

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Địa chính - Môi trường

Tên tiếng Anh: Environment and Land Management

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 105 tín chỉ

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp kỳ thi THPT quốc gia đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Địa chính - Môi trường có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng anh giao tiếp, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực ngành Địa chính - Môi trường.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân cao đẳng ngành Địa chính - Môi trường khi ra trường có thể làm tốt chuyên môn trong lĩnh vực mà bản thân phụ trách trong lĩnh vực Địa chính - Môi trường nói riêng, quản lý tài nguyên và môi trường nói chung ở cấp xã, huyện, tỉnh. Ngoài ra cử nhân cao đẳng Địa chính - Môi trường có thể làm cán bộ giảng dạy ở các trường trung cấp chuyên nghiệp hoặc làm tốt chuyên môn cho các tổ chức kinh tế xã hội khác.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành Địa chính - Môi trường. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Đất, Sinh thái môi trường, Sinh học đại cương, Đánh giá đất, Tài nguyên khí hậu, Đánh giá tác động môi trường, Trắc địa I, Trắc địa II, Cơ sở khoa học môi trường, Bản đồ học, Hóa học môi trường để học các môn chuyên ngành Địa chính - Môi trường cũng như một số chuyên ngành có liên quan.

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: Pháp luật đất đai, Quy hoạch sử dụng đất, Định giá đất và BĐS, Tin học chuyên ngành, Quản lý hành chính về đất đai, Viễn thám và GIS, Đăng ký thống kê đất đai, Công nghệ môi trường, Quản lý nhà nước về môi trường, Ô nhiễm môi trường, Bản đồ địa chính, Luật & chính sách môi trường, Quản lý tài nguyên nước & khoáng sản,... để quản lý đất và môi trường theo đúng chính sách pháp luật và quy định của nhà nước.

- Vận dụng các kiến thức thực tập cơ sở, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Địa chính - Môi trường.

2.2. Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn Địa chính - Môi trường, biết được phạm vi công việc cần triển khai, quản lý giám sát, hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng công việc, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác Quản lý đất đai và Môi trường từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn trong hoạt động chuyên môn ở các cấp quản lý.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động Quản lý đất đai và Môi trường và mối quan hệ giữa Quản lý đất đai và Môi trường với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác Quản lý đất đai và Môi trường ở các cấp quản lý do bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Quản lý đất đai và Môi trường, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân quản lý.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực Quản lý đất đai và Môi trường như: Đánh giá đất, Quản lý Nhà nước về Tài nguyên & Môi trường, xây dựng quy hoạch sử dụng

đất, xây dựng bản đồ, công nghệ xử lý phế thải, nước thải sinh hoạt, nông nghiệp, công nghiệp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Địa chính - Môi trường như: đo đạc, thành lập bản đồ địa chính, xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các loại bản đồ chuyên đề, đăng ký thống kê, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tư vấn thị trường nhà đất, giải quyết tranh chấp đất đai, thực hiện công tác đền bù giải phóng mặt bằng, quy hoạch sử dụng đất và môi trường...

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành Địa chính - Môi trường đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động Địa chính - Môi trường ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng Địa chính - Môi trường đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật Địa chính - Môi trường đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành Địa chính - Môi trường. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành Địa chính - Môi trường

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành Địa chính - Môi trường cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu của hệ thống của ngành Quản lý đất đai, Môi trường và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống Địa chính - Môi trường để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.

- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống Địa chính

- Môi trường ở các cấp cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng cấp. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống Địa chính - Môi trường ở các cấp, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế địa phương.

e. Vận hành

Biết vận hành hệ thống Địa chính - Môi trường ở các cấp thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU RA KHỎI NGÀNH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

CHUẨN ĐẦU NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí

Tên tiếng Anh: Mechanical Engineering Technology

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy

- Thời gian đào tạo: 3 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa 105 tín chỉ.

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Đào tạo cử nhân cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, tư tưởng chính trị vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, có kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng tiếng Anh giao tiếp, có trình độ chuyên môn, kỹ năng tay nghề thành thạo nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học kỹ thuật về lĩnh vực chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí khi ra trường có khả năng đảm nhận các công việc thiết kế, vận hành, bảo trì và sửa chữa máy công cụ trong dây chuyền sản xuất; Làm việc trong phòng kỹ thuật của các công ty, nhà máy, xí nghiệp, các viện nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực cơ khí; Tham gia giảng dạy tại các trường, trung tâm đào tạo nghề sau khi đã được bổ sung các chứng chỉ sư phạm theo quy định; Làm việc với vai trò quản lý, điều hành tại các công ty sản xuất và lắp ráp thiết bị cơ khí, Công ty tư vấn, thiết kế lắp đặt các thiết bị cơ khí, các Nhà máy.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh vận dụng vào để học tập chuyên môn ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh... để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Vẽ kỹ thuật, AutoCAD, Sức bền vật liệu, Cơ học lý thuyết... để học các môn chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí cũng như một số chuyên ngành có liên quan.

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: Kỹ thuật chế tạo máy, Nguyên lý dụng cụ cắt, Máy cắt kim loại, Công nghệ Chế tạo máy,... để thiết kế quy trình công nghệ gia công chi tiết máy đạt được chỉ tiêu về kinh tế và kỹ thuật.

- Vận dụng các kiến thức thực tập cơ sở, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật cơ khí.

2.2 Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tổ chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn Cơ khí chế tạo máy, hiểu được các yếu tố ảnh hưởng độ chính xác gia công, độ chính xác lắp ghép (nguyên nhân và biện pháp khắc phục) từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện để gia công (lắp ráp, sửa chữa) sản phẩm cơ khí thỏa mãn hài hòa hai chỉ tiêu kinh tế và kỹ thuật.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong lĩnh vực gia công cơ khí (chế tạo, lắp ráp, sửa chữa) và mối quan hệ giữa lĩnh vực gia công cơ khí với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan. Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong hoạt động gia công cơ khí do bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp.

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật cơ khí, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân đảm nhiệm.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực Cơ khí chế tạo máy: Quá trình thiết kế (thiết kế, mô phỏng); quá trình gia công (gia công cơ, gia công nhiệt), quá trình lắp ráp; quá trình sửa chữa, chất lượng của vật liệu (mác vật liệu).

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí như: Kiểm tra độ bóng bề mặt, kiểm tra thành phần vật liệu (kiểm tra mác vật liệu), kiểm tra cơ tính (độ bền kéo, độ bền nén), kiểm tra lý tính, kiểm tra quá trình chạy thử...

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí đối với xã hội, những lợi ích và những hạn chế mà máy móc mang lại cho đời sống xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực cơ khí chế tạo máy đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí cũng như tác động của nền kinh tế thế giới, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu hệ thống của ngành Cơ khí chế tạo máy và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống Cơ khí chế tạo máy để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.
- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.
- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống trong lĩnh vực Cơ khí chế tạo máy ở các Nhà máy, Xí nghiệp, Công ty cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng đơn vị. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống trong lĩnh vực Cơ khí chế tạo , tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của từng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất.

e. Vận hành

Biết vận hành hệ thống trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật cơ khí thông qua cách tập huấn cho người công nhân, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:

Tên tiếng Việt: Công nghệ kỹ thuật Điện, Điện tử.

Tên tiếng Anh: Electrical and Electronic Engineering Technology.

- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy.

- Thời gian đào tạo: 03 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa: 105 tín chỉ.

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của chương trình

Chương trình này nhằm đào tạo ra những Cử nhân cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu phân công lao động của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa nước nhà; có kiến thức và kỹ năng thực hành thao tác sửa chữa, vận hành, bảo trì các thiết bị điện, tham gia công tác tổ chức, quản lý kỹ thuật từng công đoạn sản xuất; có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của công nghệ, khả năng tự học trong môi trường làm việc và yêu cầu học tập suốt đời; tự tin, tự duy năng động, có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, khả năng độc lập tác nghiệp, khả năng hòa nhập, hợp tác và làm việc theo nhóm, khả năng thích ứng trong môi trường hội nhập quốc tế.

1.3. Định hướng nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp

Cử nhân Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử sau khi ra trường có thể đảm nhận các công việc thiết kế, vận hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị điện, hệ thống cung cấp điện, hệ thống điện dân dụng và công nghiệp trong các công ty, nhà máy xí nghiệp; làm việc trong phòng kỹ thuật của các công ty, nhà máy, xí nghiệp, các viện nghiên cứu thuộc chuyên ngành Kỹ thuật điện – điện tử hoặc có liên quan đến kỹ thuật điện; tham gia giảng dạy tại các trung tâm đào tạo nghề, các cơ sở giáo dục sau khi bổ sung các chứng chỉ sư phạm theo quy định; làm việc với vai trò người thực hiện trực tiếp hay người quản lý, điều hành tại các công ty sản xuất và lắp ráp thiết bị điện, công ty tư vấn, thiết kế lắp đặt hệ thống điện, các nhà máy điện, công ty truyền tải và phân phối điện hoặc các đơn vị hoạt động điện lực khác.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Về kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Khối kiến thức khoa học tự nhiên giúp sinh viên tiếp cận và hiểu được các kiến thức cơ bản nhất về các môn khoa học tự nhiên: Toán cao cấp và Vật lý. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận và khai thác các thông tin và kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành. Khối kiến thức ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm Tiếng Anh. Từ đó, sinh viên có trình độ Tiếng Anh cơ bản ở trình độ B hoặc tương đương để tiến tới việc nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh chuyên ngành. Khối kiến thức lý luận chính trị nhằm mục đích giúp sinh viên biết và hiểu được Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lenin; Hệ thống tư tưởng Hồ chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam. Từ đó, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cần thiết làm cơ sở khoa học để xây dựng, củng cố niềm tin đối với tiền đề cách mạng Việt Nam, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và mục tiêu xây dựng một Việt Nam hòa bình, phát triển.

b. Kiến thức cơ sở ngành

Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Cơ sở kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử, Vật liệu và khí cụ điện, Máy điện để học hiểu và vận dụng trong khi học các môn chuyên ngành kỹ thuật điện cũng như các chuyên ngành khác liên quan.

c. Kiến thức chuyên ngành

Sử dụng các kiến thức như: Điện tử công suất, Cung cấp điện, Kỹ thuật vi xử lý, Điều khiển Logic và PLC, Kỹ thuật đo lường điện, Tự động không chế TĐĐ, Trang bị điện, Tổng hợp hệ điện cơ, An toàn điện, Lý thuyết điều khiển tự động,... trong việc thiết kế, vận hành, kiểm tra, sửa chữa và đánh giá các hệ thống cung cấp điện và trang bị điện trong các nhà máy, xí nghiệp, các hệ thống truyền tải điện hiện có.

d. Kiến thức hỗ trợ

Vận dụng các kiến thức trong quá trình thực tập cơ sở, thực tập chuyên ngành, thực tập chuyên môn và quá trình thực hiện các chuyên đề sẽ rèn luyện kỹ năng thực hành nghề cũng như rèn luyện tư duy nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập trong nhà trường. Kiến thức này giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể tiếp cận và giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kỹ thuật điện và các lĩnh vực có liên quan.

2.2. Kỹ năng các nhân, kỹ năng nghề nghiệp và các tố chất

a. Kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết vấn đề

Hiểu được những vấn đề liên quan đến chuyên môn kỹ thuật điện để vận dụng trong quá trình tổ chức thi công lắp đặt, vận hành hệ thống điện; lập kế hoạch bảo trì, sửa chữa hệ thống điện trong nhà máy, xí nghiệp; thiết kế, thi công mạch điện tử; điều hành các cuộc họp có liên quan đến vấn đề xử lý kỹ thuật trong hệ thống điện.

b. Khả năng thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết cách tìm hiểu các vấn đề khó khăn trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn; biết cập nhật các kiến thức mới và các thông tin về kỹ thuật điện qua các tài liệu in và tài liệu điện tử để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích, đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác quản lý chuyên môn do bản thân phụ trách.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ và sự tương tác lẫn nhau trong quá trình giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động chuyên môn kỹ thuật điện và mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa kỹ thuật điện và các lĩnh vực khác có liên quan. Vận dụng các kiến thức đã biết để phân tích các vấn đề một cách logic, nhìn nhận vấn đề dưới nhiều góc độ đồng thời xác định vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá để tìm ra các biện pháp giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác kỹ thuật điện trong phạm vi bản thân phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp.

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Các kỹ năng và thái độ nghề nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật điện, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân quản lý.

- Nhận biết và giải quyết vấn đề về lĩnh vực kỹ thuật điện như: Thiết kế, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị điện trong hệ thống cung cấp hoặc trang bị điện.

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành kỹ thuật điện đối với xã hội, những mặt tích cực và hạn chế trong hoạt động quản lý và khai thác hệ thống điện trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng Công nghệ kỹ thuật điện đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật điện đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành điện. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành kỹ thuật điện.

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành kỹ thuật điện cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng và xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu của hệ thống của ngành kỹ thuật điện và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống kỹ thuật điện để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.

- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng và căn cứ vào hoàn cảnh môi trường để xây dựng hệ thống kỹ thuật điện ở các cấp cho phù hợp với điều kiện hoàn cảnh thực tế và trình độ năng lực tổ chức cán bộ ở từng cấp. Cụ thể hóa mô hình quản lý, dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai hệ thống kỹ thuật điện, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế.

e. Vận hành

Biết vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống cung cấp điện và trang bị điện thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Công nghệ thông tin.
 - + Tên tiếng Anh: Information Technology.
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy.
- Thời gian đào tạo: 03 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa: 105 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu phân công lao động của xã hội; có kiến thức & kỹ năng thực hành thao tác sửa chữa, vận hành, bảo trì các thiết bị Công nghệ thông tin, quản trị mạng, thiết kế và quản trị websites, thiết kế phần mềm vừa và nhỏ, tham gia công tác tổ chức, quản lý kỹ thuật về lĩnh vực CNTT; có thể tiếp tục học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

Đảm nhận các công việc thiết kế, vận hành, bảo trì, sửa chữa thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống mạng máy tính, thiết kế và quản trị website, thiết kế và quản trị phần mềm, làm việc kỹ thuật liên quan đến công nghệ thông tin trong các công ty, nhà máy xí nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp. Tham gia giảng dạy tại các trung tâm đào tạo nghề, các trường Tiểu học, THCS sau khi bổ sung các chứng chỉ sư phạm theo quy định.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình

2.1. Về kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Khởi kiến thức lý luận chính trị nhằm mục đích giúp sinh viên biết và hiểu được Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac-Lenin; Hệ thống tư tưởng Hồ chí Minh về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật. Từ đó, trang bị những kiến thức chính trị - xã hội cần thiết làm cơ sở khoa học để xây dựng, củng cố niềm tin đối với tiền đề cách mạng Việt Nam, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và mục tiêu xây dựng một Việt Nam hòa bình, phát triển.

Khởi kiến thức khoa học tự nhiên giúp sinh viên tiếp cận và hiểu được các kiến thức cơ bản nhất về các môn khoa học tự nhiên: Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất và thống kê toán, Hóa học và Vật lý. Từ đó, sinh viên có khả năng vận dụng chúng vào việc tiếp cận và khai thác các thông tin và kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành. Ngoài ra, sinh viên còn có khả năng sử dụng kiến thức khoa học tự nhiên cơ bản vào việc nghiên cứu và phát triển học thuật. Các môn học Toán cao cấp, Vật lý, Tiếng anh 1, Tiếng anh 2 được học đối với sinh viên khoa Kỹ thuật công nghiệp.

Khởi kiến thức ngoại ngữ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm Tiếng Anh. Từ đó, sinh viên có trình độ Tiếng Anh cơ bản ở trình độ B hoặc tương đương để tiến tới việc nghe, nói, đọc, viết Tiếng Anh chuyên ngành sau này.

b. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

Vận dụng các kiến thức chung nền tảng thuộc khởi kiến thức cơ sở ngành vào giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin.

Áp dụng, phân tích một số vấn đề và một số nghiệp vụ cụ thể về công nghệ thông tin như xây dựng, quản trị hệ thống mạng máy tính, website, bảo trì hệ thống, quản trị phần cứng, phần mềm... trong thực tiễn công việc chuyên môn tương ứng với các vị trí công việc cụ thể.

Sử dụng được kiến thức lý thuyết và thực tiễn để phát hiện, phân tích và giải quyết một số vấn đề cụ thể trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

2.2. Kỹ năng các nhân, kỹ năng nghề nghiệp và các tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Xác định vấn đề kỹ thuật liên quan đến CNTT, khai thác, vận hành và bảo trì hệ thống có sử dụng máy tính. Xem xét được các triệu chứng và đưa ra giải pháp xử lý sự cố, tình huống trong hệ thống máy tính. Giải thích được các giả thiết xảy ra đối với hệ thống máy tính. Mô hình hóa đưa ra được các giả thiết để đơn giản hóa các hệ thống. Lựa chọn áp dụng các mô hình khái niệm và định tính liên quan đến hệ thống CNTT. Áp dụng các kiến thức cơ bản của Công nghệ thông tin vào giải quyết vấn đề thực tiễn liên quan đến lĩnh vực CNTT. (phần cứng, phần mềm, mạng máy tính, bảo dưỡng, bảo trì, lắp ráp và cài đặt hệ thống máy tính). Kết thúc vấn đề, tìm ra những thông tin không hoàn chỉnh, Phân tích được chi phí – lợi ích kỹ thuật và phân tích rủi ro. Phân tích, cài đặt các vấn đề liên quan đến hệ thống CNTT.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Lập giả thuyết về các khả năng xảy ra khi phân tích thiết kế các hệ thống CNTT. Điều tra theo thử nghiệm. Khảo sát qua tài liệu và thông tin điện tử.

c. Tư duy tầm hệ thống

Hiểu được hệ thống máy tính, hệ thống mạng, hệ thống liên quan đến công nghệ thông tin. Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp giải quyết vấn đề trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Khái quát bối cảnh xã hội, doanh nghiệp và kỹ thuật của hệ thống. Xác định vấn đề nảy sinh và tương tác trong những hệ thống. Sắp xếp và xác định các yếu tố trọng tâm của lĩnh vực CNTT.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

Biết đề xuất những sáng kiến và sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Kiên trì và linh hoạt, sáng tạo trong công việc. Phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn và đưa ra những biện pháp khác phục nhưng khó khăn đó. Hiểu biết về bản thân ham tìm hiểu và học tập suốt đời. Biết quản lý quỹ thời gian.

e. Kỹ năng và thái độ nghề nghiệp

- Vận dụng linh hoạt và phù hợp các kiến thức đã được đào tạo vào vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, cài đặt các thiết bị công nghệ thông tin

- Sử dụng được một số phần mềm chuyên dụng để thiết kế, mô phỏng hệ thống mạng, đồ họa, khảo sát và đánh giá chất lượng của các phần mềm ứng dụng.

- Có khả năng nghiên cứu cập nhật những phần mềm ứng dụng.

- Cập nhật tin tức và dự đoán xu hướng phát triển của ngành công nghệ thông tin

- Yêu nghề, sống có lý tưởng phục vụ chủ nghĩa xã hội

- Có ý thức bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội

- Chuyên cần, hăng say học tập để nâng cao trình độ, có chí tiến thủ, không ngừng rèn luyện nâng cao nhân cách.

- Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp (trung thực, cẩn thận trách nhiệm và đáng tin cậy, có tác phong là việc chuyên nghiệp)

- Chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp của mình

- Có phẩm chất đạo đức xã hội như: Chấp hành các qui định của nhà nước và pháp luật.

2.3 Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Có kỹ năng hình thành nhóm làm việc trong và ngoài đơn vị, thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn về lĩnh vực công nghệ thông tin có hiệu quả. Có khả năng lãnh đạo và phát triển nhóm. Biết trao đổi, chia sẻ thông tin, hợp tác kỹ thuật hiệu quả.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Có khả năng giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng, thuyết trình..)
- Kỹ năng giao tiếp bằng văn viết
- Giao tiếp điện tử/ đa truyền thông
- Áp dụng những kiến thức chuyên ngành, sử dụng các phần mềm trong giao tiếp bằng đồ họa.
- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.
- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Hiểu tác động của ngành công nghệ thông tin đối với xã hội và các yêu cầu của xã hội với ngành công nghệ thông tin
- Gắn trách nhiệm của cá nhân với trách nhiệm của đơn vị công tác
- Nắm bắt tình hình bối cảnh chung của toàn cầu
- Hiểu được chiến lược phát triển của đơn vị mục tiêu kế hoạch ngắn hạn và dài hạn của đơn vị
- Hiểu mối quan hệ giữa đơn vị với ngành công nghệ thông tin
- Làm việc thành công trong đơn vị

b. Hình thành ý tưởng và xây dựng hệ thống

- Thiết lập mục tiêu và yêu cầu của hệ thống công nghệ thông tin
- Mô hình hóa hệ thống và đảm bảo mục tiêu có thể đạt được
- Quản lý đề án liên quan đến hệ thống Công nghệ thông tin

c. Thiết kế

- Phân tích quy trình thiết kế hệ thống công nghệ thông tin
- Xây dựng được thiết kế ban đầu
- Sử dụng các nguyên mẫu và các mẫu thử nghiệm trong quá trình phát triển thiết kế
- Áp dụng tối ưu hóa phù hợp với những ràng buộc hiện có
- Giải quyết sự lặp đi lặp lại cho đến khi đạt kết quả
- Xây dựng được thiết kế cuối cùng
- Chứng minh sự đáp ứng khi yêu cầu thay đổi

d. Triển khai

- Lập kế hoạch quá trình triển khai, khái quát hóa các mục tiêu và các thước đo tính năng, chi phí và chất lượng.
- Khái quát hóa sự triển khai của thiết kế hệ thống công nghệ thông tin
- Lập kế hoạch triển khai để tạo mặt bằng phát triển CNTT
- Kiểm tra, kiểm chứng các lĩnh vực liên quan đến CNTT.

- Những vấn đề về người vận hành và sử dụng hệ thống
- Làm sáng tỏ sự kiểm tra tính năng của thiết bị so với yêu cầu của hệ thống và các cải tiến có thể thực hiện được trong quá trình triển khai.

e. Vận hành

- Áp dụng vào thực tiễn để vận hành hệ thống công nghệ thông tin
- Thiết kế và tối ưu hóa quá trình vận hành.
- Giải thích được các quan hệ đối tác và liên kết.
- Giải thích sự kiểm soát của chi phí vận hành, tính năng và trình tự vận hành.
- Dự đoán sự cải tiến có thể thực hiện được trong quá trình vận hành.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT GIAO THÔNG

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Công nghệ kỹ thuật giao thông
 - + Tên tiếng Anh: Traffic Engineering Technology
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy.
- Thời gian đào tạo: 03 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa: 105 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Chương trình này nhằm đào tạo ra những Cử nhân cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật giao thông, cung cấp cho người học cơ sở kiến thức để phát triển toàn diện về nhân cách và nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Sinh viên tốt nghiệp cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau:

- Có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu phân công lao động của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- Có kiến thức & kỹ năng thiết kế, khảo sát, thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, tham gia công tác tổ chức, quản lý dự án.
- Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của công nghệ, khả năng tự học trong môi trường làm việc và yêu cầu học tập suốt đời.
- Tự tin, tư duy năng động, có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, khả năng độc lập tác nghiệp, khả năng hòa nhập, hợp tác & làm việc theo nhóm, khả năng thích ứng trong môi trường hội nhập quốc tế.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

- Đảm nhận các công việc thiết kế, khảo sát trong các công ty tư vấn thiết kế.
- Đảm nhận các công việc giám sát trong các công ty tư vấn giám sát.
- Đảm nhiệm các công việc tổ chức thi công, chỉ đạo kỹ thuật trong các công ty xây lắp.
- Đảm nhiệm các công việc trong ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh để có các hành động, lối sống phù hợp đúng pháp luật, phù hợp với sự điều hành của nhà nước. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh..để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Cơ học kết cấu, Cơ học lý thuyết, Sức bền vật liệu, để nắm được các nguyên lý cơ bản về sự làm việc của kết cấu cũng như độ bền cơ học của vật liệu và để học các môn chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp cũng như một số chuyên ngành có liên quan.

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: thiết kế cầu, xây dựng cầu, thiết kế đường, xây dựng đường, nền móng, kết cấu thép, kết cấu bê tông cốt thép để thiết kế, thi công, giám sát các dự án xây dựng cầu đường theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Vận dụng các kiến thức thực tập như: thực tập trắc địa, thực tập địa chất, thực tập vật liệu xây dựng, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc thực tế trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Xây dựng cầu đường.

2.2 Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn xây dựng cầu đường, biết được phạm vi công việc cần triển khai khi quản lý dự án, giám sát thi công, thi công và tổ chức thi công dự án; hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng công việc, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác xây dựng cầu đường từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn trong hoạt động xây dựng công trình.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác kỹ thuật, quản lý được giao.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động xây dựng cầu đường và mối quan hệ giữa xây dựng cầu đường với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan như: xây dựng dân dụng và công nghiệp, đánh giá tác động vào môi trường của dự án, xây dựng thủy lợi.... Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác xây dựng cầu đường ở các công việc kỹ thuật, quản lý phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp.

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Xây dựng cầu đường, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Xây dựng cầu đường như: giải phóng mặt bằng, trình tự thủ tục xây dựng cơ bản, các quy định về xử phạt, các quy định về báo cáo sự cố công trình....

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành Xây dựng cầu đường đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động Xây dựng cầu đường ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng xây dựng cầu đường đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng cầu đường đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành xây dựng cầu đường. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành xây dựng cầu đường.

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành Xây dựng cầu đường cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu hệ thống của ngành xây dựng cầu đường và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống dự án để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.

- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng, và căn cứ vào các điều kiện liên quan như: tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện hiện có của công ty, điều kiện hiện có của Ban quản lý dự án để xây dựng các phương án thiết kế, thi công, giám sát, quản lý dự án hợp lý. Cụ thể hóa mô hình quản lý dự án, thi công và giám sát thi công, tính toán sơ bộ và chi tiết dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai quản lý dự án, thiết kế, thi công và giám sát công trình ở các đơn vị liên quan, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế địa phương.

e. Vận hành

Biết vận hành dự án ở từng bước liên quan cũng như vận hành cả dự án xây dựng, tổ chức thực hiện các công việc được giao theo từng lĩnh vực, giai đoạn cụ thể thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT XÂY DỰNG

1. Giới thiệu về ngành đào tạo

1.1. Giới thiệu chung

- Tên ngành đào tạo:
 - + Tên tiếng Việt: Công nghệ kỹ thuật xây dựng
 - + Tên tiếng Anh: Construction Engineering Technology
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng chính quy.
- Thời gian đào tạo: 03 năm, khối lượng kiến thức toàn khóa: 105 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp THPT tham gia kỳ thi tuyển sinh ĐH, CĐ hàng năm, đạt điểm trúng tuyển theo quy định của Bộ GD&ĐT và Đại học Thái Nguyên.

1.2. Mục tiêu đào tạo của ngành

Chương trình này nhằm đào tạo ra những Cử nhân Cao đẳng ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng, cung cấp cho người học cơ sở kiến thức để phát triển toàn diện về nhân cách và nghề nghiệp, đáp ứng các yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Sinh viên tốt nghiệp cần đạt được những mục tiêu cụ thể sau:

- Có tư cách đạo đức và sức khỏe tốt, đáp ứng các yêu cầu phân công lao động của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa nước nhà.
- Có kiến thức & kỹ năng thiết kế, khảo sát, thi công các công trình dân dụng và công nghiệp, tham gia công tác tổ chức, quản lý dự án.
- Có khả năng thích ứng với các thay đổi nhanh của công nghệ, khả năng tự học trong môi trường làm việc và yêu cầu học tập suốt đời.
- Tự tin, tư duy năng động, có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, khả năng độc lập tác nghiệp, khả năng hòa nhập, hợp tác & làm việc theo nhóm, khả năng thích ứng trong môi trường hội nhập quốc tế.

1.3. Định hướng nghề nghiệp

- Đảm nhận các công việc thiết kế, khảo sát trong các công ty tư vấn thiết kế.
- Đảm nhận các công việc giám sát trong các công ty tư vấn giám sát.
- Đảm nhiệm các công việc tổ chức thi công, chỉ đạo kỹ thuật trong các công ty xây lắp.
- Đảm nhiệm các công việc trong ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng.

2. Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo

2.1. Kiến thức và lập luận kỹ thuật

a. Kiến thức khoa học cơ bản

Hiểu nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật đại cương để có nhận thức đúng các quy luật kinh tế, đường lối chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh để có các hành động, lối sống phù hợp đúng pháp luật, phù hợp với sự điều hành của nhà nước. Bên cạnh đó còn vận dụng toán cao cấp, lý thuyết xác suất và thống kê toán học, tin học đại cương, tiếng Anh..để tiếp thu và học tập tốt kiến thức chuyên môn và thực hành sau khi tốt nghiệp.

b. Kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên ngành

- Áp dụng các kiến thức cơ sở ngành như: Cơ học kết cấu, Cơ học lý thuyết, Sức bền vật liệu, để nắm được các nguyên lý cơ bản về sự làm việc của kết cấu cũng như độ bền cơ học của vật liệu và để học các môn chuyên ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp cũng như một số chuyên ngành có liên quan.

- Sử dụng các kiến thức chuyên ngành như: cấu tạo kiến trúc, kỹ thuật thi công, nền móng, kết cấu thép, kết cấu bê tông cốt thép để thiết kế, thi công, giám sát các dự án xây dựng dân dụng và công nghiệp theo đúng các tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Vận dụng các kiến thức thực tập như: thực tập trắc địa, thực tập địa chất, thực tập vật liệu xây dựng, thực tập tốt nghiệp làm quen với các công việc thực tế trong tương lai. Sử dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn được trang bị trong nhà trường để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2.2 Kỹ năng cá nhân, kỹ năng nghề nghiệp và tố chất cá nhân

a. Lập luận chuyên ngành và giải quyết vấn đề

Nắm rõ những vấn đề liên quan đến chuyên môn xây dựng dân dụng và công nghiệp, biết được phạm vi công việc cần triển khai khi quản lý dự án, giám sát thi công, thi công và tổ chức thi công dự án; hiểu được các yếu tố ảnh hưởng đến số lượng và chất lượng công việc, phân tích được các vấn đề liên quan đến công tác xây dựng dân dụng và công nghiệp từ đó đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả cũng như giải quyết các vấn đề khó khăn trong hoạt động xây dựng công trình.

b. Thử nghiệm và khám phá kiến thức

Biết được các vấn đề khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, biết thu thập các thông tin, tài liệu qua các nguồn để thành lập cơ sở dữ liệu. Dựa vào cơ sở dữ liệu biết phân tích đánh giá các vấn đề có liên quan, đề xuất biện pháp tổ chức thực hiện, áp dụng thử và đánh giá rút ra bài học kinh nghiệm cho công tác kỹ thuật, quản lý được giao.

c. Tư duy mang tính hệ thống

Hiểu được mối quan hệ tác động lẫn nhau trong hoạt động xây dựng dân dụng và công nghiệp và mối quan hệ giữa xây dựng dân dụng và công nghiệp với các lĩnh vực chuyên môn khác có liên quan như: xây dựng cầu đường, đánh giá tác động vào môi trường của dự án, xây dựng thủy lợi... Vận dụng các phương pháp khoa học đã được trang bị để tìm được các yếu tố ảnh hưởng đến công việc chuyên môn, xác định được vai trò của từng nhân tố tác động, phân tích đánh giá tìm ra các biện pháp để giải quyết tốt các mối quan hệ trong công tác xây dựng dân dụng và công nghiệp ở các công việc kỹ thuật, quản lý phụ trách.

d. Kỹ năng và thái độ cá nhân

- Biết và sẵn sàng chấp nhận những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động chuyên môn, phân tích được những nguyên nhân gây ra khó khăn từ đó đưa ra biện pháp khắc phục để thực hiện tốt công việc do bản thân đảm nhiệm.

- Kiên trì và linh hoạt, chăm chỉ, nhiệt tình, đam mê công việc. Có khả năng sẵn sàng ứng phó với những thay đổi trong công việc, sẵn sàng cộng tác với các đồng nghiệp và đối tác, tiếp thu lời phê bình và những phản ánh có tính xây dựng từ đối tác để điều chỉnh nhằm thực hiện tốt công tác chuyên môn.

- Có tư duy sáng tạo, linh hoạt trong công việc, hiểu và đánh giá được những thuận lợi, khó khăn từ đó tìm và lựa chọn giải pháp thực hiện thích hợp

- Hiểu về bản thân, luôn biết cải tiến bản thân và khắc phục những điểm yếu quan trọng. Ham học hỏi, tự tìm hiểu, học qua sách vở, học qua thực tiễn, có thái độ cầu thị và học tập suốt đời để trau dồi các kiến thức.

- Biết cách quản lý nguồn lực và thời gian để thực hiện công việc do bản thân phụ trách một cách có hiệu quả.

e. Kỹ năng và thái độ chuyên nghiệp

- Trung thực trong đời sống cũng như trong công việc. Có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình, nhận thức được những tồn tại, thiếu sót của bản thân và sẵn sàng khắc phục những tồn tại và thiếu sót đó.

- Chủ động lên kế hoạch công việc trong hiện tại và tương lai, xây dựng được mối quan hệ với những tổ chức, cá nhân có liên quan để phát triển nghề nghiệp.

- Luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực Xây dựng dân dụng và công nghiệp, tiếp cận khoa học kỹ thuật mới nhằm hoàn thành tốt công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Nhận biết và giải quyết những vấn đề khác liên quan đến ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp như: giải phóng mặt bằng, trình tự thủ tục xây dựng cơ bản, các quy định về xử phạt, các quy định về báo cáo sự cố công trình....

2.3. Kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp

a. Kỹ năng làm việc theo nhóm

- Thành lập được nhóm công tác bao gồm những cá nhân cùng chuyên môn để hoàn thành nhiệm vụ được giao, biết xác định mục tiêu và vai trò trách nhiệm của từng thành viên trong nhóm, xây dựng nội quy hoạt động của nhóm.

- Có kỹ năng lãnh đạo và phát triển nhóm như: lên kế hoạch hoạt động, phân công công việc cụ thể cho các thành viên trong nhóm, chủ động tổ chức các cuộc họp của nhóm; biết hỗ trợ động viên các thành viên trong nhóm, biết phối hợp các thành viên trong nhóm để làm việc có hiệu quả.

- Biết trao đổi, chia sẻ, gắn kết, hợp tác giữa các nhóm để hoàn thành tốt công việc. Tạo được sự phát triển nhóm bền vững.

b. Kỹ năng giao tiếp

- Hiểu và nắm rõ các kỹ năng giao tiếp để vận dụng vào giải quyết các mối quan hệ trong chuyên môn cũng như trong xã hội.

- Biết trình bày một văn bản mạch lạc, theo quy định của từng loại văn bản.

- Có khả năng sử dụng các phương tiện giao tiếp đa truyền thông (nói, viết, nghe, điện tử...) hợp tác và làm việc với cộng đồng.

- Biết chuẩn bị bài thuyết trình phù hợp với các đối tượng được nghe và sử dụng linh hoạt các phương pháp giao tiếp như sử dụng ngữ điệu, hành động, cử chỉ, ánh mắt, tư thế...

- Sử dụng thành thạo máy tính, có chứng chỉ tin học theo chương trình IC3 của Đại học Thái Nguyên.

- Sử dụng được tiếng Anh, có chứng chỉ tiếng Anh - A2 theo Chương trình của Đại học Thái Nguyên.

2.5. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

a. Bối cảnh xã hội và doanh nghiệp

- Biết được vai trò của ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp đối với xã hội, những mặt tích cực và tiêu cực trong hoạt động Xây dựng dân dụng và công nghiệp ở các cấp trong bối cảnh xã hội hiện nay và tác động của nó đến an ninh xã hội, bảo vệ môi trường, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn và phát triển kinh tế xã hội.

- Nhận biết được vai trò và trách nhiệm của người cử nhân Cao đẳng xây dựng dân dụng và công nghiệp đối với xã hội và biết thực hiện đúng các trách nhiệm đối với công việc chuyên môn do bản thân phụ trách.

- Đánh giá được những tác động của việc ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng dân dụng và công nghiệp đối với môi trường, xã hội, kinh tế và nhận thức được những lợi ích của việc ứng dụng đó.

- Làm rõ được vai trò của xã hội và các cơ quan trong việc điều tiết hoạt động của ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp. Đánh giá được những tác động của các hệ thống pháp lý, chính trị đến hoạt động của ngành ở cấp quản lý.

- Giải thích được những ảnh hưởng của lịch sử xã hội, phong tục tập quán và kiến thức bản địa đến ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp.

- Nhận biết được ảnh hưởng của bối cảnh toàn cầu đến ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp cũng như tác động của những biến đổi môi trường, ảnh hưởng của xu hướng hợp tác quốc tế đối với ngành này từ đó có cách tổ chức và quản lý công việc phù hợp.

b. Hình thành ý tưởng, xây dựng hệ thống

- Nắm bắt nhu cầu của thị trường từ đó phác thảo mục tiêu, yêu cầu hệ thống của ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp và chiến lược hợp tác với các đơn vị liên quan.

- Xác định chức năng và cấu trúc của hệ thống dự án để kiểm soát quy trình thực hiện, phân bổ nguồn lực, dự đoán các rủi ro và phương án thay thế.

- Mô hình hóa hệ thống quản lý, xây dựng quy trình cho hệ thống, vận dụng kiến thức cơ sở và chuyên ngành để chi tiết hóa các bước thực hiện.

- Lập kế hoạch thực hiện bao gồm: Xác định địa điểm, thời gian, dự trù kinh phí, vật tư cho hệ thống và phân bổ nguồn nhân lực hợp lý để tổ chức thực hiện.

c. Thiết kế

Nắm rõ ý tưởng, và căn cứ vào các điều kiện liên quan như: tiêu chuẩn kỹ thuật, điều kiện hiện có của công ty, điều kiện hiện có của Ban quản lý dự án để xây dựng các phương án thiết kế, thi công, giám sát, quản lý dự án hợp lý. Cụ thể hóa mô hình quản lý dự án, thi công và giám sát thi công, tính toán sơ bộ và chi tiết dự toán nguồn lực, kinh phí và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện.

d. Triển khai

Lập kế hoạch triển khai quản lý dự án, thiết kế, thi công và giám sát công trình ở các đơn vị liên quan, tổ chức triển khai, theo dõi tiến độ thực hiện công việc để đảm bảo hoàn thành theo đúng kế hoạch. Kiểm định được kết quả công việc chuyên môn quản lý trong hệ thống, đề xuất những cải tiến thích hợp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế địa phương.

e. Vận hành

Biết vận hành dự án ở từng bước liên quan cũng như vận hành cả dự án xây dựng, tổ chức thực hiện các công việc được giao theo từng lĩnh vực, giai đoạn cụ thể thông qua cách tập huấn cho người lao động, hỗ trợ chi phí và kỹ thuật cho việc thực hiện các khâu trong hoạt động của hệ thống. Nhận biết các vấn đề tồn tại trong quá trình vận hành hệ thống từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến, phát triển phù hợp.